

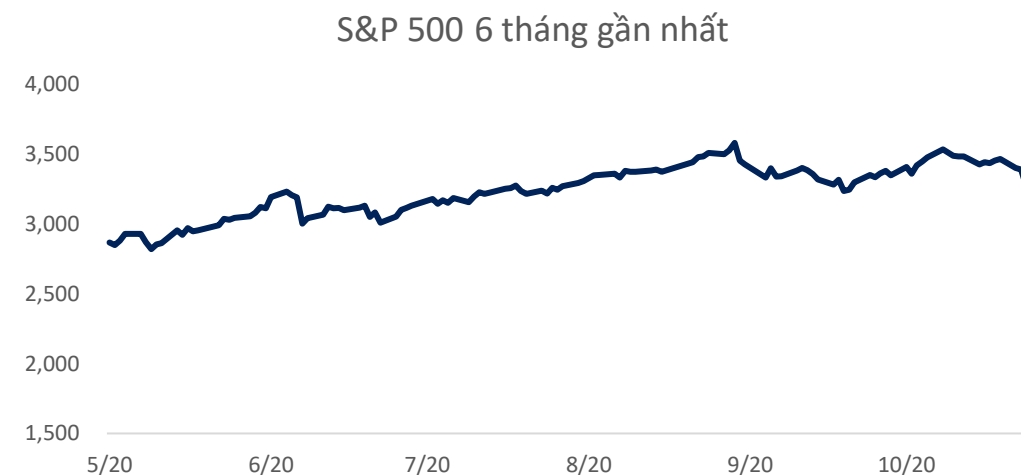


30/10/20

**DAILY** MORNING

GDP hồi phục tích cực, TTCK Mỹ lấy lại sắc xanh

|                   | 30/10    | % Sáng<br>30/10 | 29/10    | % Ngày<br>29/10 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|-----------------|----------|-----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                 | 919.08   | -0.21%          | -3.24% | 1.67%   |
| S&P 500           |          |                 | 3,310.11 | 1.19%           | -4.15% | -0.76%  |
| S&P500<br>Futures | 3,276.50 | -0.78%          | 3,302.25 | 1.19%           | -5.08% | -2.25%  |
| Shanghai          |          |                 | 3,272.73 | 0.11%           | -1.20% | -1.33%  |
| Euro Stoxx        |          |                 | 2,960.03 | -0.12%          | -6.67% | -7.91%  |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | PTKT                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>GDP Mỹ tăng 33.1% QoQ annualised tại quý III, sau khi giảm 31.4% QoQ tại quý II. So với cuối 2019, GDP Hoa Kỳ giảm -3.5% tới cuối tháng chín.</li> <li>Đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới giảm xuống 751 nghìn đơn trong tuần kết thúc hôm 17/10, sau khi tăng 791 nghìn đơn trong tuần liền trước.</li> <li>Tại Đức, tỷ lệ thất nghiệp đạt 4.5% trong tháng 9, tương đương tháng 8, cao nhất từ tháng 12/2015. Lạm phát giảm 0.2% YoY trong tháng 10, tương đương tháng 9.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Kháng cự 3600       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hỗ trợ 3050         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Kháng cự 3500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hỗ trợ 3000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

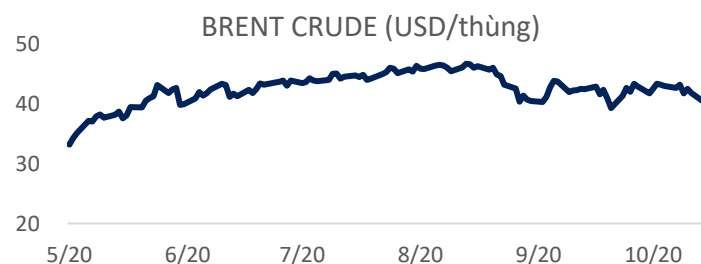


Nguồn: Bloomberg, BSC

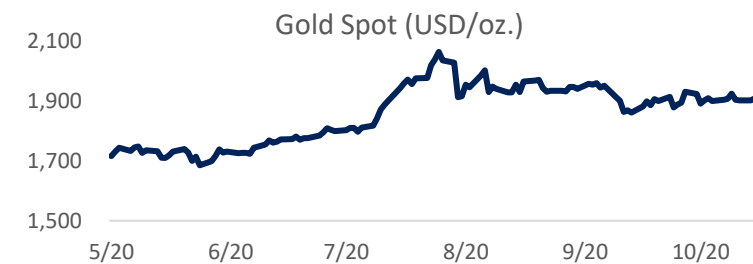
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 30/10    | % Sáng 30/10 | 29/10    | % 29/10 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|--------------|----------|---------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 36.26    | 0.25%        | 36.17    | -3.26%  | -9.01% | -10.40% | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 37.68    | 0.08%        | 37.65    | -3.76%  | -9.79% | -10.92% | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 105.15   | -2.76%       | 108.14   | -5.42%  | -9.20% | -10.21% | HVN, VJC           | PLX, OIL           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,866.47 | -0.06%       | 1867.59  | -0.51%  | -1.87% | -1.03%  | PNJ                |                    |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 23.27    | 0.04%        | 23.26    | -0.54%  | -5.45% | 0.14%   |                    | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  |          |              | 1,048.50 | -0.19%  | -3.01% | 2.07%   | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USd/bu.  |          |              | 601.50   | -0.37%  | -4.94% | 4.07%   | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt  |          |              | 23.28    | 0.00%   | 4.91%  | 24.96%  | VNM, GTN, QNS      | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg   | 260.90   | -1.17%       | 264.00   | -4.35%  | 12.41% | 41.79%  | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |              | 14.40    | -3.29%  | -2.57% | 7.30%   | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |              | 104.60   | -0.38%  | -1.97% | -4.52%  | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |              | 6729.50  | -0.27%  | -2.79% | 2.29%   | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 3,698.00 | 0.98%        | 3662.00  | 0.52%   | 1.29%  | 4.58%   | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |              | 1803.00  | -0.36%  | -2.36% | 1.12%   | CAV, SAM, TGP, VTH |                    |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 802.50   | 3.15%        | 778.00   | 0.52%   | 2.03%  | 4.02%   | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |              | 58.90    | -0.76%  | 2.61%  | -4.07%  | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USd = US Cent

- HĐTL dầu thô tiếp tục giảm mạnh chủ yếu bởi lo ngại ảnh hưởng của diễn biến dịch bệnh đối với cầu dầu, trong bối cảnh hai nước chủ chốt trong kinh tế Châu Âu là Pháp và Đức đã phải ban hành lệnh giãn cách xã hội hiệu lực trong tháng 11.



Nguồn: Bloomberg, BSC

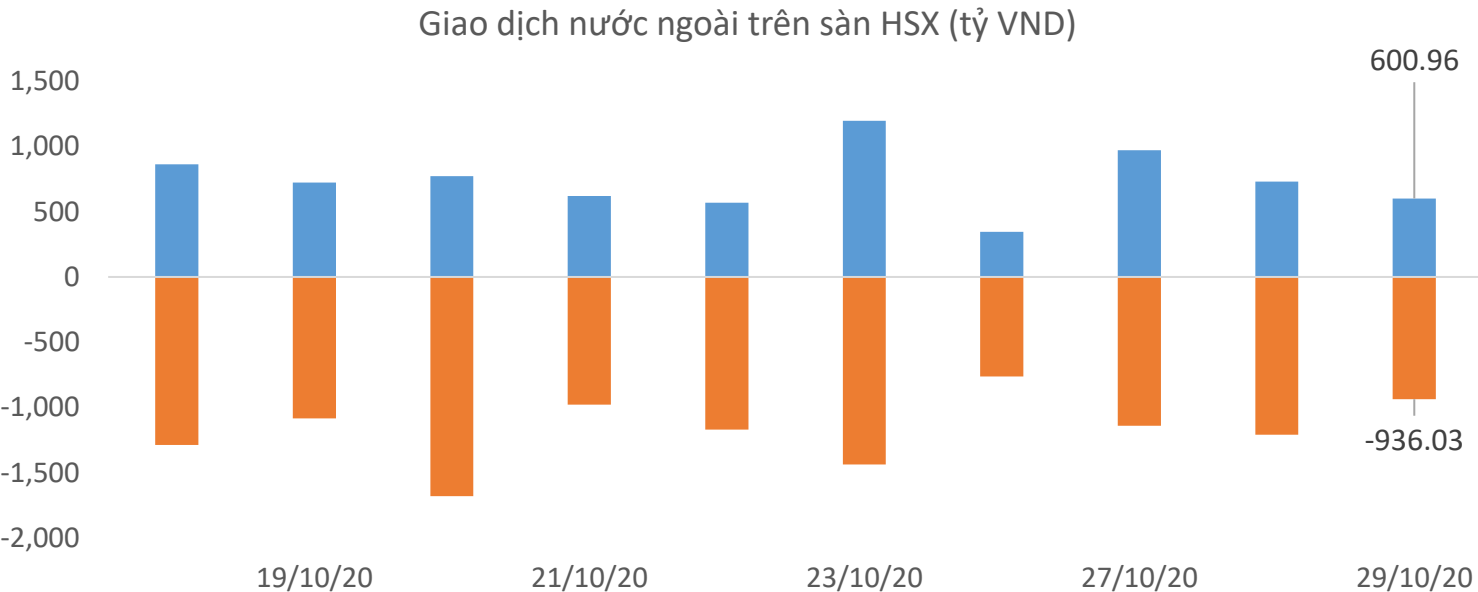


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF E1, Diamond tăng quy mô phiên thứ 3

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VNM       | 383.4            | 14.9            | 0.00               | -0.7%        | 0.0                       | 0.0  | -3.0 | 5.9   | ETF E1, Diamond tăng quy mô phiên thứ 3.<br>2.4 ETF FTSE đang có mức discount lớn có khả năng bị giảm quy mô sau vài phiên tới. Các ETFs khác cân bằng, chưa có xu hướng rõ rệt.<br>19.6 Khối ngoại bán ròng ở hầu hết các nước khu vực, ngoại trừ tại thị trường Indonesia.<br>3.5 |
| FTSE      | 252.6            | 30.3            | 0.00               | -3.1%        | 0.0                       | 1.4  | 0.8  | 2.4   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| iShare    | 379.8            | 26.0            | 0.00               | 0.0%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| E1VFN30   | 264.1            | 0.6             | 1.51               | -0.6%        | 1.0                       | 0.5  | -6.3 | 3.8   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| FUEVFN30  | 102.5            | 0.6             | 0.30               | 2.9%         | 0.2                       | 0.0  | 6.5  | 19.6  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| FUESSVFL  | 37.1             | 0.4             | 0.00               | 0.2%         | 0.0                       | 0.0  | 1.6  | 3.5   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| FUESSVN30 | 2.3              | 0.5             | 0.00               | -0.4%        | 0.0                       | -0.1 | -0.4 |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VN100     | 2.9              | 0.5             | 0.00               | 3.8%         | 0.0                       | -0.1 | -0.1 |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| KIM       | 186.2            | 11.6            | 0.00               | -1.8%        | 0.0                       | 0.0  | -1.1 | 12.7  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| PREMIA    | 21.7             | 9.6             | 0.00               | -0.8%        | 0.0                       | -    | -    | (4.3) |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -14.45  | -62.56                | -287.55                |
| ASEAN4*                                               | -78.12  | -33.22                | -1066.70               |
| Ấn Độ                                                 | -118.22 | 383.47                | 2696.44                |
| Đài Loan                                              | -516.68 | -1100.86              | 217.19                 |
| Hàn Quốc                                              | -106.94 | -366.80               | 570.71                 |
| Nhật Bản                                              |         | 2181.26               | 20676.50               |
| Trung Quốc                                            |         |                       | 39589.66               |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |         |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |         | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |         | -2.24                 |                        |
| Thái Lan                                              |         | -3.35                 |                        |
| Singapore                                             |         | -2.24                 |                        |
| Phillippines                                          |         | -13.58                |                        |
| Malaysia                                              |         | -12.55                |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

## Tin vĩ mô

- Tích chung mười tháng, IIP toàn ngành công nghiệp duy trì mức +2.7% YoY, IIP chế biến chế tạo tăng 4.2% YoY, thấp hơn mức tăng 4.6% YoY chín tháng đầu năm.
- Tính chung mười tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 1.3% YoY, cao hơn mức tăng 0.7% YoY trong chín tháng đầu năm. Bán lẻ hàng hóa tăng 5.4% YoY, cao hơn mức tăng 4.8% YoY trong chín tháng đầu năm.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 2.47% YoY trong tháng 10, sau khi tăng 2.98% YoY trong tháng 9. Bình quân mười tháng, CPI tăng 3.71% YoY, thấp hơn mức tăng 3.85% YoY bình quân chín tháng đầu năm. Lạm phát cơ bản tăng 1.88% YoY trong tháng 10, sau khi tăng 1.97% YoY trong tháng 9.

## Thông số kỹ thuật

|          |            |
|----------|------------|
| Xu hướng | Điều chỉnh |
| Chỉ báo  | Tiêu cực   |
| Kháng cự | 940        |
| Hỗ trợ   | 910        |



Nguồn: FireAnt, BSC

- VHM: 9 tháng đầu năm doanh thu thuần đạt 49.378 tỷ đồng, tăng 31% cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đạt 22.199 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 16.337 tỷ đồng, tăng lần lượt 6% và 7% cùng kỳ. Trong đó, lợi nhuận hợp nhất trước thuế quý III đạt 7.502 tỷ đồng, tăng 64% so với quý II nhờ khối lượng bàn giao tăng.
- VRE: Quý III tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 1.760 tỷ đồng, tương đương 80% cùng kỳ năm trước, tăng 8% so với quý trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 572 tỷ đồng, bằng 80% cùng kỳ nhưng tăng 67% so với quý trước.
- VPI: Quý III doanh thu thuần đạt gần 377 tỷ đồng, tăng trưởng 1,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 68 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần so với cùng kỳ năm 2019. Lũy kế 9 tháng, Văn Phú - Invest đạt doanh thu thuần gần 926 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gần 97 tỷ đồng.
- HBC: Lũy kế 9 tháng đầu năm, HBC đạt 8.046 tỷ doanh thu và 63 tỷ LNST, lần lượt giảm 41% và 74% so với 9 tháng đầu năm ngoái. So với kế hoạch 12.500 tỷ doanh thu và 125 tỷ LNST, hiện HBC đã thực hiện được tương ứng 64% chỉ tiêu doanh thu và 50% chỉ tiêu LNST.
- PNJ: Đã thông qua phương án phát hành hơn 2,31 triệu cổ phiếu ESOP với giá 20.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện ngay sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- PLC: Đã công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2020 với doanh thu thuần đạt 1.345 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 43 tỷ đồng, tăng 64%. Lũy kế 9 tháng từ đầu năm, PLC đạt doanh thu 3.914 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 124 tỷ đồng, tăng 9,4%.
- PDR: Chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ngày đăng ký cuối cùng vào 9/11. Tỷ lệ thực hiện là 7% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 7 cổ phiếu mới). Vốn điều lệ dự kiến tăng thành 3.962 tỷ đồng.
- VCI: VCSC - Pyn Elite Fund (Non-Ucits), cổ đông lớn đã bán ra 500.000 cổ phiếu VCI trong ngày 21/10. Sau giao dịch, cổ đông trên đã giảm sở hữu tại VCI xuống còn hơn 11,42 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 6,9%.
- TPB: CTCP Chứng khoán Tiên Phong, tổ chức có liên quan đến ông Đỗ Anh Tú – Phó chủ tịch đăng ký mua 5,1 triệu cổ phiếu TPB, tỷ lệ 0,58% từ ngày 02/11 đến 01/12 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Hiện tại, tổ chức trên chưa nắm giữ bất kỳ cổ phiếu TPB nào.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV  
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

